

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN BÌNH THỦY  
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 74/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 18-9-2023.

V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THỦY, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Loan.*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Phạm Ngọc Hà.
- Ông Nguyễn Phú Hùng.

*- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Châu - Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.*

Ngày 18 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận B, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 79/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 503/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1975. Địa chỉ: 135/MÔ, khu vực B, phường L, quận B, thành phố Cần Thơ.

\* Bị đơn: Bà Trần Thị P1, sinh năm 1984. Địa chỉ: 135/MÔ, khu vực B, phường L, quận B, thành phố Cần Thơ.

(Các đương sự có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện ngày 13/3/2023 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Văn P trình bày:

Về hôn nhân: Qua tìm hiểu ông P và bà P1 tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào ngày 25/09/2003 tại UBND phường L, thành phố Cần Thơ, tỉnh Cần Thơ (Nay là phường L, quận B, thành phố Cần Thơ). Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, tuy nhiên thời gian sau này thì trở nên lục đục, phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do giữa cả hai bất đồng quan điểm sống, không thể tìm được tiếng nói chung. Nên ông P xin được ly hôn với bà P1.

Về con chung: Trong quá trình chung sống có 01 con chung tên Nguyễn Phát

**Đ**, sinh năm 2003. Đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà **Trần Thị P1** trình bày:

Về hôn nhân: Bà **P1** chỉ đồng ý ly hôn khi đã chia tài sản.

Về con chung: Trong quá trình chung sống có 01 con chung tên **Nguyễn Phát Đ**, sinh năm 2003. Đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Không có đơn yêu cầu chia tài sản.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, kiên quyết ly hôn vì giữa hai vợ chồng mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể sống chung với nhau nữa.

Bị đơn không đồng ý ly hôn với ông **P**, chỉ đồng ý ly hôn nếu ông **P** đưa 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng).

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn ông **Nguyễn Văn P** khởi kiện yêu cầu Tòa án ly hôn với bà **Trần Thị P1**. Bị đơn bà **Trần Thị P1** có đăng ký thường trú tại 135/MÔ, khu vực **B, phường L, quận B, thành phố Cần Thơ**. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp ly hôn*”. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – ông **Nguyễn Văn P**:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Qua tìm hiểu ông **P** và bà **P1** tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào ngày 25/09/2003 tại **UBND phường L, thành phố Cần Thơ, tỉnh Cần Thơ (Nay là phường L, quận B, thành phố Cần Thơ)**. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, tuy nhiên thời gian sau này thì trở nên lục đục, phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do giữa cả hai bất đồng quan điểm sống, không thể tìm được tiếng nói chung. Bà **P1** thường xuyên bỏ nhà đi. Nên ông **P** xin được ly hôn với bà **P1**.

[2.2] Xét thấy, trong quan hệ hôn nhân vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên cãi vã, đánh đập nhau. Bà **P1** trình bày ông **P** thường xuyên đánh đập bà, đuổi bà ra khỏi nhà. Bà **P1** yêu cầu ông **P** phải đưa 500.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) mới đồng ý ly hôn. Vấn đề này, Hội đồng xét xử, xét thấy không phải là điều kiện cho việc

ly hôn, cũng như không phải là cơ sở xem xét. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã nhiều lần tạo điều kiện cho các bên đương sự gặp gỡ, trao đổi hòa giải hàn gắn nhưng không thành. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tiếp tục động viên ông P tạo cơ hội vợ chồng đoàn tụ, nhưng ông P vẫn kiên quyết ly hôn. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân của ông bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì cuộc hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc thật sự cho cả hai. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn P được ly hôn bà Trần Thị P1.

[2.3] Về con chung: Trong quá trình chung sống ông P và bà P1 có 01 con chung tên Nguyễn Phát Đ, sinh năm 2003. Cháu Phát Đ đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét.

[2.4] Về tài sản chung: Ông P trình bày là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa, bà P1 trình bày chỉ đồng ý ly hôn khi ông P đưa 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng). Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã cho đương sự nộp đơn yêu cầu cũng như cho thời hạn để bà P1 nộp đơn chia tài sản chung để Tòa án giải quyết, tuy nhiên bà P1 không nộp đơn nên Tòa án không có cơ sở xem xét. Do đó, Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ yêu cầu giải quyết thành vụ kiện khác.

[2.5] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: ông Nguyễn Văn P phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

-Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; - Điều 6; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn P được ly hôn bà Trần Thị P1.

2. Về con chung: Trong quá trình chung sống ông P và bà P1 có 01 con chung tên Nguyễn Phát Đ, sinh năm 2003. Cháu P2 đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung: Ông P trình bày là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa, bà P1 trình bày chỉ đồng ý ly hôn khi ông P đưa 500.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã cho đương sự nộp đơn yêu cầu để Tòa án giải quyết, tuy nhiên bà **P1** không có đơn nên Tòa án không có cơ sở xem xét.

**4. Về nợ chung:** Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ yêu cầu giải quyết thành vụ kiện khác.

**5. Về án phí:** ông **Nguyễn Văn P** phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002176, ngày 08/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ. Ông **P** đã nộp đủ tiền án phí.

**6. Về quyền kháng cáo:** Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Nơi nhận:*

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. Bình Thủy;
- Chi cục THA DS Q. Bình Thủy;
- Các đương sự;
- UBND phường Long Xuyên  
(Số 94, quyển số I/2003)
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Hồng Loan**

